

NÂNG CAO ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT NHÂN TỔ TỔNG HỢP VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

ThS. PHAN THANH NGHIỆM

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

ThS. PHÙNG THỊ HOA

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý, nâng cao trình độ lao động,... Theo đó, chúng ta có thể chia kết quả sản xuất thành ba phần:

- (i) phần do vốn tạo ra;
- (ii) phần do lao động tạo ra;
- (iii) phần do nhân tố tổng hợp tạo ra.

Với cách tiếp cận này, hàm sản xuất có dạng:

$$Y = F(K, L, TFP)$$

Trong đó: Y là tổng sản phẩm của nền kinh tế (GRDP); K là vốn; L là lao động và TFP là năng suất các nhân tố tổng hợp.

Như vậy, không nhất thiết lúc nào cũng phải tăng vốn hoặc lao động để tăng đầu ra, mà có thể tăng đầu ra bằng cách sử dụng tối ưu nguồn vốn và lao động, cải tiến quá trình công nghệ, trình độ quản lý, trong đó các nhân tố đầu vào được phối hợp sử dụng tốt nhất. Do đó, tăng TFP là chỉ tiêu phản ánh đích thực khái quát về hiệu quả sử dụng vốn và lao động, là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng tăng trưởng cũng như sự phát triển bền vững của nền kinh tế và là căn cứ để phân tích hiệu quả kinh tế vĩ mô và đánh giá sự tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) của mỗi ngành, mỗi địa phương và mỗi quốc gia.

Các yếu tố quan trọng góp phần tăng TFP gồm: Giáo dục và đào tạo; cơ cấu vốn, tái cấu trúc kinh tế, tăng nhu cầu, tiến bộ công nghệ.

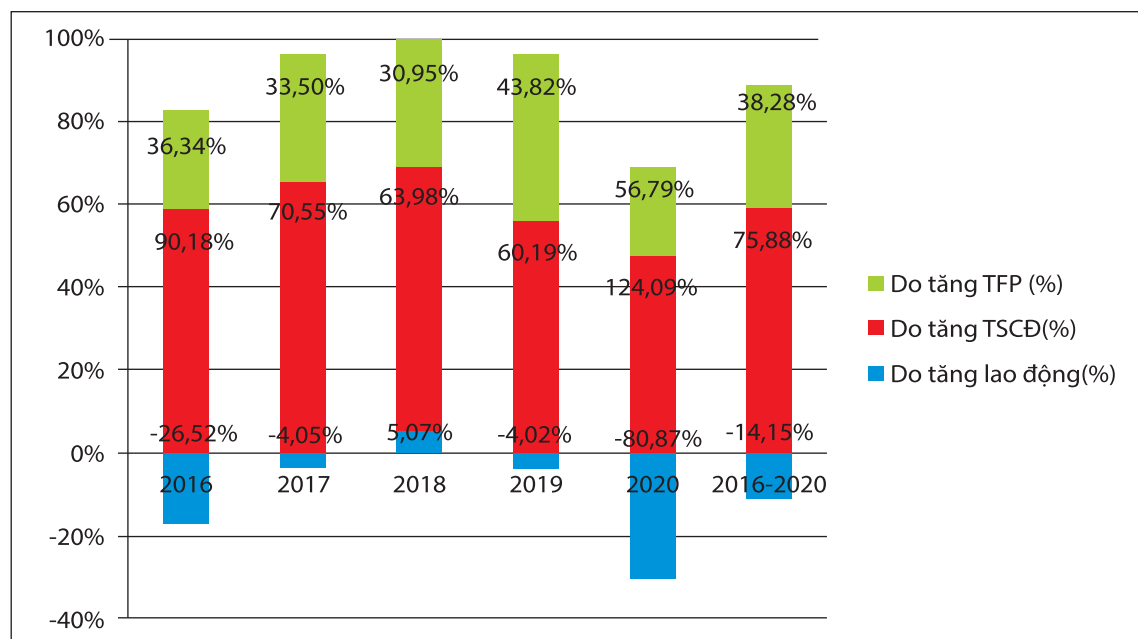
Áp dụng phương pháp hạch toán tăng trưởng của học giả kinh tế Solow dựa trên mô hình Cobb-Douglas và sử dụng nguồn số liệu từ niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình qua các năm, chúng tôi đã tính toán được *tốc độ tăng* và *tỷ phần đóng góp* của TFP vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020:

Theo số liệu nêu trên, đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020 đạt 38,28%, vượt mục tiêu đặt ra của Quyết định số 712/QĐ-TTg, ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (giai đoạn 2016-2020, TFP đóng góp 35% vào tăng trưởng kinh tế). Tuy nhiên, mức đóng góp TFP của tỉnh vẫn còn thấp hơn mức trung bình của toàn quốc là 45,42%.

Về tốc độ tăng TFP giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình đạt 2,31%, thấp hơn so với mức bình quân của cả nước là 2,85%.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến tốc độ tăng và tỷ phần đóng góp của TFP giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình thấp hơn mức trung bình của cả nước phải kể đến như: Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội chưa có nhiều thuận lợi để thu hút được nhiều nhà đầu tư, lớn nhất là nhà đầu tư nước ngoài; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao còn ít; tiềm lực và năng lực khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; chưa tạo được mối liên kết 4 nhà: Nhà khoa học - Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông, nên sản

Hình 1: Tốc độ tăng TFP và tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GRDP tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020



phẩm hoạt động nghiên cứu KH&CN chưa thực sự đi sâu vào thực tiễn đời sống sản xuất; môi trường, chính sách thu hút đầu tư chưa đủ mạnh...

Trên cơ sở số liệu về mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã được đề ra tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND, ngày 13/8/202 của HĐND tỉnh Quảng Bình và được sự quan tâm chỉ đạo thực hiện các biện pháp hữu hiệu để thu hút đầu tư và nâng cao sự đóng góp của TFP cho sự phát triển và tăng trưởng, chúng tôi đưa ra các kịch bản dự báo tốc độ tăng và tỷ phần đóng góp của TFP vào phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

Kịch bản 1: Dựa trên mục tiêu GRDP tăng 8-8,5%/năm giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng vốn 10,21%/năm và lao động đạt tốc độ tăng 0,02%/năm, TFP ước tính tăng từ 3,83-4,09%/năm, đóng góp khoảng 48,09 đến 49,71% vào tăng GRDP. Để đạt được mục tiêu này, GRDP của năm 2023 đến 2025 cần đạt tốc độ tăng từ 9,2-9,6%/năm. Khi đó, đóng góp của

tăng TFP vào tăng GRDP khoảng 51,31-53,31%. Nếu vẫn giữ mục tiêu phát triển này cho những năm tới, tỉnh Quảng Bình cần có những giải pháp thúc đẩy năng suất mạnh mẽ hơn.

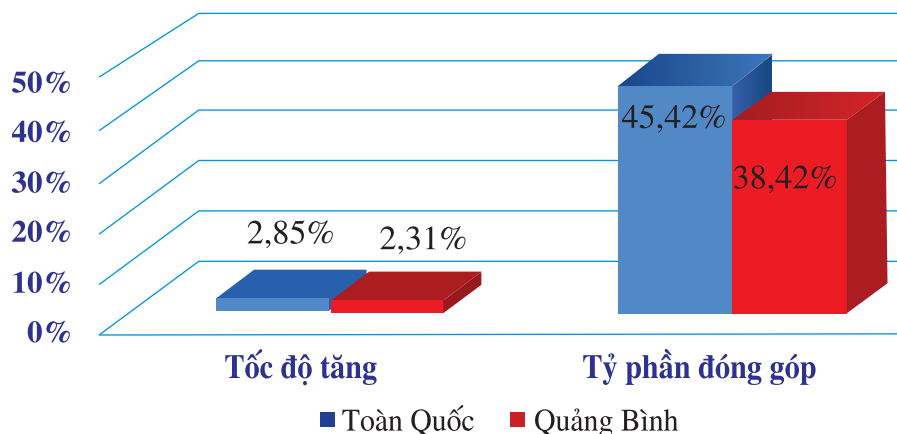
Kịch bản 2: Dựa trên suy luận tốc độ tăng GRDP năm 2023-2025 tăng vào khoảng 7,3%/năm, tăng GRDP 2021-2025 khoảng 7,0%/năm, tăng TFP ước tính tăng 3,0%/năm giai đoạn 2021-2025 và đóng góp khoảng 42,95% vào GRDP.

Trên cơ sở các số liệu ước tính trên, tỉnh Quảng Bình có thể dự báo đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GRPD giai đoạn 2021-2025 vào khoảng 38% ÷ 43%.

Để đạt được mục tiêu tăng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Bình, trong thời gian tới các cấp các ngành cần tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp cụ thể sau:

- Giải pháp chung cho nền kinh tế
- + Tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính,

Hình 2: Tốc độ tăng, tỷ phần đóng góp của TFP Quảng Bình vào GRDP so với toàn quốc giai đoạn 2016-2020



tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng trưởng bền vững của nền kinh tế.

+ Thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn để chuyển nhanh lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ có năng suất cao hơn. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị cao.

+ Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng,

vật nuôi phù hợp thế mạnh của tỉnh. Đẩy nhanh việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, mục tiêu phát triển và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong và trên thế giới.

+ Phát triển mạnh các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh; Chuyển dịch trong nội bộ ngành công nghiệp

Bảng 1: Dự báo tốc độ tăng và tỷ phần đóng góp của TFP của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025

	Tăng GRDP bình quân (%)	Tăng vốn bình quân (%)	Tăng lao động bình quân (%)	Tốc độ tăng TFP (%)	Đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP (%)
Thực trạng 2016-2020	6,03%	12,44%	-1,35%	2,31%	38,28%
Thực trạng 2021-2022	6,19%	9,96%	-0,49%	2,29%	36,95%
Ước tính 2023-2025 (theo mục tiêu phát triển KT-XH)	9,2-9,6%	10,38%	0,35%	4,70-5,14%	51,31-53,31%
<i>Kịch bản 1:</i> Ước tính giai đoạn 2021-2025 (theo mục tiêu phát triển KT-XH)	8,0-8,5%	10,21% (dự báo)	0,02% (dự báo)	3,83-4,09%	48,09-49,71%
<i>Kịch bản 2:</i> Ước tính giai đoạn 2021-2025 (theo dự báo GRDP)	7,0%	10,21%	0,02%	3,0%	42,95%

từ sản xuất dựa vào lao động và gia công sang dựa vào công nghệ, hàng hóa có giá trị gia tăng cao; bên cạnh đó, cần phát triển mạnh mẽ khu vực công nghiệp phụ trợ.

+ Xã hội hóa, đa dạng các nguồn lực phát triển thương mại và khai thác, phát huy tiềm năng du lịch địa phương, trong đó chú trọng đầu tư, khai thác có hiệu quả các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa - lịch sử - làng nghề và du lịch cộng đồng. Khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm.

- *Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:* Nâng cao trình độ văn hoá và trình độ nhận thức cho người lao động, từng bước xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dạy nghề hiện có theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng tính thực tiễn, sát với nhu cầu thực tế của địa phương. Đồng thời cần nghiên cứu thay đổi cơ chế, chính sách đãi ngộ để thu hút được đội ngũ nhân lực giỏi, chuyên sâu làm việc có hiệu quả.

- *Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư*

+ Giải pháp về chính sách huy động vốn đầu tư: (1) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Gia tăng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương bằng các biện pháp tăng thu ngân sách trên địa bàn, chống thất thu thuế. Ngoài ra, cần tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương vào xây dựng hạ tầng lớn, trọng điểm mang tính đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (2) Đối với nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước, cần có những đổi mới hơn nữa trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, tạo môi trường chính sách thuận lợi, thúc đẩy đầu tư phát triển các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. (3) Đối với vốn đầu tư nước ngoài, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư nước ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế.

+ Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư: Thực hiện quản lý đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, tùy tiện kém hiệu quả. Khắc phục tình trạng tiêu cực, lãng phí, thất thoát trong đầu tư; tăng

cường công tác giám sát đầu tư, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định về quản lý đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế nhằm thu hút vốn, công nghệ và tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động, chú trọng các dự án đầu tư có tiềm năng lớn về vốn và năng lực trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho tỉnh.

- *Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo:* Cần có những định hướng, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ; đẩy mạnh đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh, đổi mới cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Tạo được mối liên kết 4 nhà: Nhà khoa học - Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông. Tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Giải pháp thúc đẩy liên kết mở rộng thị trường, liên kết vùng khai thác lợi ích kinh tế theo quy mô*

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển toàn diện kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng, các thành phố lớn: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển, các bên cùng có lợi.

+ Phát triển theo liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm với quản trị hiện đại, hệ thống hạ tầng đồng bộ, sản phẩm có thương hiệu, chứng nhận chất lượng và an toàn thực phẩm, bảo hộ sở hữu tài sản trí tuệ.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển toàn diện kinh tế - xã hội với thị trường các nước Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Lào,... giảm sự tập trung quá mức vào một số thị trường, tạo thị trường và bán hàng lâu dài về những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, giảm thị trường trung gian ■